

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 81

Phần Gồm Thâu Giải Thích 1

Như vậy là đã nói về Phần Nhiếp Quyết Trạch (Thâu tóm, quyết đoán, lựa chọn). Thế nào là Gồm Thâu Giải Thích? (Nhiếp Thích). Tụng tổng quát nêu:

*Thế thích Văn nghĩa pháp
Khởi nghĩa nan sư tiếp
Nói chúng nghe tán Phật
Lược rộng học thắng lợi.*

Thế nào là Thế? Là thế của kế kinh, lược có hai thứ:

1. Văn.
2. Nghĩa.

Văn là đối tượng được nương dựa. Nghĩa là chủ thể nương dựa. Hai thứ như thế gọi chung là tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức.

Thế nào là Giải thích? Nghĩa là lược có năm thứ:

1. Pháp.
2. Đăng khởi.
3. Nghĩa.
4. Thích nạn.
5. Thứ lớp.

Thế nào là Văn? Tức có sáu thứ:

1. Danh thân.
2. Cú thân.
3. Tự thân.
4. Ngữ.
5. Hành tướng.
6. Cơ thỉnh.

Danh thân: Là Tăng ngữ cùng nhận biết. Đây lại lược nêu có mười hai thứ:

1. Danh giả lập.
2. Danh thật sự.
3. Danh tương ứng với đồng loại.
4. Danh tương ứng với dị loại.
5. Danh tùy đức.
6. Danh giả thuyết.
7. Danh đồng chỗ biết rõ.
8. Danh không đồng chỗ biết rõ.
9. Danh hiển bày.
10. Danh không hiển bày.
11. Danh tóm lược.
12. Danh nêu rộng.

Danh giả lập: Nghĩa là, bên trong giả lập các sanh như Ngã, hữu tình, Thọ mạng v.v... Bên ngoài, giả lập các danh như Bình, Áo v.v...

Danh thật sự: Tức ở trong nghĩa của các căn như Mắt v.v..., Sắc v.v... lập danh như Mắt v.v...

Danh tương ứng với đồng loại: Là các danh của đại chúng v.v.. như Sắc thọ nơi hữu tình.

Danh tương ứng với dị loại: Là các danh như Phật trao đức thuận màu xanh, vàng v.v...

Danh tùy đức: Là các danh như: Biếng ngại nên gọi là Sắc. Lãnh nạp nên gọi là Thọ. Phát ra ánh sáng nên gọi là Mặt trời v.v...

Danh giả thuyết: Là kêu nghèo gọi là giàu. Hoặc nơi nghĩa không quán đối hiện có khác, an lập các danh.

Danh đồng chỗ biết rõ: Là cùng chỗ hiểu về tướng. Cùng trái với đây là danh không đồng chỗ biết rõ.

Danh hiển bày: Tức nghĩa của danh ấy dễ hiểu.

Danh không hiển bày: Tức nghĩa của danh ấy khó hiểu. Như minh chú Đạt-la-nhi-trà v.v...

Danh tóm lược: Là danh có một chữ.

Danh nêu rộng : Là danh có nhiều chữ.

Cú thân: Nghĩa là danh tự viên mãn. Đây lại có sáu thứ:

1. Câu không viên mãn.
2. Câu viên mãn.
3. Câu của đối tượng được thành.
4. Câu của chủ thể tạo thành.

5. Câu nêu lên.

6. Câu giải thích.

Câu không viên mãn: Là văn không rớt ráo, nghĩa không rớt ráo. Nên biết lại do câu thứ hai nên mới được viên mãn. Như nói:

Các thứ ác, chớ làm

Các thứ thiện, phụng hành

Khéo điều phục tự tâm

Là Thánh giáo chư Phật.

Nếu chỉ nói “Các Ác” tức văn không rớt ráo. Nếu nói “Các thứ Ác” thì nghĩa không rớt ráo. Lại thêm “chớ làm” mới được viên mãn, tức câu viên mãn.

Câu của đối tượng được thành: Là câu trước do câu sau mới được thành lập. Như nói:

Các Hành vô thường

Pháp có khởi, tận

Sanh tất nên diệt

Tịch kia là vui.

Ở đây, vì thành các Hành vô thường, nên tiếp theo nói: Pháp có khởi tận. Trước là đối tượng thành, tức là câu của đối tượng được tạo thành. Sau là chủ thể thành, tức là câu của chủ thể tạo thành.

Câu nêu lên: Như nói Tánh thiện.

Câu giải thích: Nghĩa là đang hướng tới bậc Thiện sĩ.

Tự thân: Nghĩa là Danh, Cú, hoặc rớt ráo hoặc không rớt ráo, với chỗ dựa là bốn mươi chín chữ.

Ở đây, dục là danh đứng đầu. Danh là câu đứng đầu. Câu tất có Danh. Danh tất có chữ. Nếu chỉ một chữ tất không thành câu. Lại, hoặc có chữ, Danh không gồm thâu, tức chỉ có chữ, không danh.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên thiết lập ba thứ Thân như danh v.v?

Đáp: Vì khiến lãnh nhận các thọ sinh ra do các Tăng ngữ xúc.

Hỏi: Danh là nghĩa gì?

Đáp: Có thể khiến cho các thứ chủng loại cùng được nhận biết rõ, nên gọi là danh. Lại có thể khiến cho ý tạo ra vô số tướng, nên gọi là danh. Lại do chỗ kêu gọi của ngôn ngữ nên gọi là danh. Thâu nhận các danh hiển bày rõ rớt ráo không hiện thấy nghĩa, gọi là câu (cú). Tùy hiểu danh, câu, gọi là văn.

Như đức Thế Tôn nói: Tăng ngữ, đường Tăng ngữ, cho đến nói rộng. Ở đây, Tăng ngữ: Nghĩa là tất cả chúng đồng loại tương ưng nói danh.

Tăng ngữ lộ (đường Tăng ngữ): Nghĩa là cùng với chúng đồng loại muốn (dục) có thể khởi các đồng loại kia.

Từ: Là lời tương ứng kia. Lại, tức lời này đều khác đối với các thứ xứ kia. Hoặc nêu lên hoặc giải thích về xứ là chỗ dựa kia gọi là con đường của Tăng ngữ.

Nêu đặt: Nghĩa là mỗi mỗi phân biệt, nêu đặt kiến lập nơi chốn của chỗ dựa kia, gọi là con đường kia.

Dục tức là từ, không có dục riêng, đây tức là con đường nêu đặt Tăng ngữ.

Lại, danh thân v.v... lược có sáu thứ xứ nương dựa:

1. Pháp.
2. Nghĩa.
3. Hữu tình.
4. Thời.
5. Số.
6. Xứ sở.

Phân biệt rộng về chúng, nên biết như nơi địa do văn tạo thành đã nêu.

Ngữ: Nên biết lược gồm tám phần: Nghĩa là Tiên thủ, Mỹ diệu v.v... do Ngữ kia cùng tương ứng với văn, câu, cho đến thường cây nơi phần Tư lương nên có thể thuyết giảng chánh pháp. Tám phần là:

- Ngữ Tiên thủ: Hưởng tới cung Niết bàn là đứng đầu trước hết (Tiên thủ).

- Ngữ mỹ diệu: Là tiếng kia trong, đẹp như âm thanh của Yết-la-tần-ca.

- Ngữ hiển liễu: Nghĩa là lời, câu, văn đều thiện xảo.

- Ngữ dễ hiểu: Tức nói năng khéo biện giải.

- Ngữ vui thích nghe: Là nêu dẫn nghĩa pháp.

- Ngữ vô y: Là không dựa vào hy vọng kẻ khác tin mình.

- Ngữ không trái nghịch: Là nêu giảng biết rõ về lược.

- Ngữ vô biên: Là thiện xảo, rộng lớn.

Tám thứ ngữ như thế, nên biết là lược gồm đủ ba đức:

1. Đức hưởng tới. Là loại thứ nhất.
2. Đức Tự Thể. Là hai loại tiếp theo.
3. Đức Gia Hạnh. Là năm loại còn lại.

Tương ứng: Là thứ lớp của Danh, Cú, Văn thân khéo an lập. Lại dựa nơi sự tương ứng của bốn thứ đạo lý.

Trợ bạn: Là có thể thành thứ lớp.

Tùy thuận: Là giải thích theo thứ lớp.

Thanh triệt: Là Văn, Câu hiển bày rõ.

Hỗ trợ thanh tịnh: Là khéo nhập nơi các Tâm.

Tương xứng: Như Chúng hội, Ứng cúng, Xứng pháp, Dẫn nghĩa, Thuận giữ.

Thường cày nơi phần Tư lương: Là đều xét kỹ chỗ tạo tác để thường xuyên được tạo tác, gọi là thường nhờ vào.

Phần kia: Là chánh kiến v.v... Đây là tư lương của pháp kia.

Hành tướng: Nghĩa là các Uẩn tương ứng, các Giới tương ứng, các Xứ tương ứng, Duyên khởi tương ứng, Xứ phi xứ tương ứng, Niệm trụ tương ứng.

Các ngôn ngữ tương ứng như thế, hoặc do Thanh văn giảng nói, hoặc do Như lai thuyết giảng, hoặc do Bồ tát nêu giảng. Đó gọi là Hành tướng.

Cơ thỉnh: Là nhân nơi cơ duyên thưa hỏi mà khởi ngôn thuyết. Ở đây, lại do căn v.v... có sai biệt, nên biết có hai mươi bảy thứ hữu tình. Do căn sai biệt nên thành hai loại:

1. Độn căn.
2. Lợi căn.

Do Hành sai biệt nên thành bảy loại: Nghĩa là Hành tham v.v... như nơi địa Thanh Văn đã nêu.

Do chúng sai biệt nên thành hai loại:

1. Chúng tại gia.
2. Chúng xuất gia.

Do Nguyên sai biệt nên thành ba loại:

1. Thanh văn.
2. Độc giác.
3. Bồ tát.

Do có thể cứu độ, không thể cứu độ sai biệt, nên thành hai loại:

1. Pháp Bát Niết bàn.
2. Pháp không Bát Niết-bàn.

Do Gia hạnh sai biệt, nên thành chín loại:

1. Đã nhập chánh pháp.
2. Chưa nhập chánh pháp.
3. Có chướng ngại.
4. Không chướng ngại.
5. Đã thành thực.
6. Chưa thành thực.

7. Trói buộc đủ.
8. Không trói buộc đủ.
9. Không trói buộc.

Do chủng loại sai biệt, nên thành hai loại:

1. Người.
2. Phi nhân.

Sáu thứ Văn như thế gồm chung có bốn Tướng được gọi là Văn:

1. Tướng của đối tượng thuyết giảng: Là danh, thân v.v... và Hành tướng là sau.
2. Tướng được tạo tác: Là cơ thỉnh gồm thâu hai mươi bảy loại hữu tình.
3. Tướng của chủ thể nêu giảng: Là Ngữ.
4. Tướng của người nêu giảng: Là Thanh Văn, Bồ tát cùng với Như lai.

Sáu thứ như thế đều hiển bày nơi Văn, nếu thiếu một thứ thì không thể hiển bày nghĩa. Do có thể hiển bày nghĩa, thế nên gọi là Văn.

Thế nào là Nghĩa? Nên biết lược có mười thứ:

1. Nghĩa của địa.
2. Nghĩa của Tướng.
3. Nghĩa của Tác ý v.v...
4. Nghĩa của xứ nương dựa.
5. Nghĩa quá hoạn.
6. Nghĩa thắng lợi.
7. Nghĩa của đối tượng được đối trị.
8. Nghĩa của chủ thể đối trị.
9. Nghĩa tóm lược.
10. Nghĩa nêu rộng.

Nghĩa của địa: Lược có năm địa:

1. Địa Tư lương.
2. Địa Gia hạnh.
3. Địa Kiến.
4. Địa Tu.
5. Địa Cứu cánh.

Lại, phân biệt rộng có mười bảy địa: địa năm Thức thân là đầu, địa vô dư y là sau cùng.

Nghĩa của Tướng: Nên biết có năm thứ Tướng:

1. Tự tướng.
2. Cộng tướng.

3. Tướng giả lập.
4. Tướng nhân.
5. Tướng quả.

Năm tướng như thế, như nơi địa do Tư tạo thành đã biện giải.

Lại có năm Tướng:

1. Tướng môn khác.
2. Tướng du già.
3. Tướng chuyển dị.
4. Tướng tạp nhiễm.
5. Tướng thanh tịnh.

Năm tướng như thế, nên biết như nhiều chỗ trước đây đã phân biệt.

Lại có năm tướng:

1. Tướng sở thuyên.
2. Tướng năng thuyên.
3. Tướng tương ứng với hai thứ ấy.
4. Tướng chấp trước.
5. Tướng không chấp trước.

Tướng sở thuyên (đối tượng được giảng giải): Là năm pháp như Tướng v.v... như trong năm sự đã nói.

Tướng năng thuyên (chủ thể giảng giải): Tức là đối với sự nương dựa nơi danh v.v... kia vì muốn tùy thuận nêu bày về tự tánh sai biệt theo ngôn ngữ hiện có. Nên biết đây tức là Tướng của Tự tánh Biến kế sở chấp.

Tự tánh của Biến kế sở chấp này, có tên gọi sai biệt, đó là cũng gọi là Biến kế sở chấp, cũng gọi là hòa hợp tạo thành, cũng gọi là Tướng đã tăng ích, cũng gọi là chỗ chấp hư vọng, cũng gọi là ngôn thuyết được hiển bày, cũng gọi là Gia hạnh của văn tự, cũng gọi là chỉ có âm thanh, cũng gọi là không có thể tướng. Các loại sai biệt như thế, nên biết.

Tướng tương ứng với hai thứ ấy: Là sở thuyên, năng thuyên lại cùng tương ứng. Tức tự tánh của Biến kế sở chấp nắm giữ chỗ nương dựa.

Tướng chấp trước: Nghĩa là Biến kế sở chấp nơi các hàng phàm ngu từ vô thỉ đến giờ nối tiếp lưu chuyển chấp trước nơi tự tánh cùng tùy miên kia.

Tướng không chấp trước: Là đã kiến đế, nhận biết rõ như thật. Về tướng của Biến kế sở chấp cùng tập khí của nó, đạt giải thoát. Nếu phân biệt đúng, như nơi địa do Tư tạo thành, nên biết về Tướng.

Nghĩa của Tác ý v.v...: Nghĩa là bảy thứ Tác ý, tức như Tác ý Liễu tướng v.v... như nơi địa Thanh văn ở trước đã nói.

Lại có mười Trí:

1. Khổ Trí.
2. Tập Trí.
3. Diệt Trí.
4. Đạo Trí.
5. Pháp Trí.
6. Chủng loại Trí.
7. Tha tâm Trí.
8. Thế tục Trí.
9. Tận Trí.
10. Vô sanh Trí.

Đây cũng như nơi địa Thanh văn ở trước đã biện giải.

Lại có sáu Thức thân: Đó là Nhân Thức cho đến Ý Thức, như nơi địa năm Thức thân cùng ý địa ở trước đã nêu rõ.

Lại có chín thứ Biến Tri:

1. Biến Tri do đoạn, do kiến khổ tập thuộc cõi dục đoạn trừ.
2. Biến Tri do đoạn, do kiến khổ tập thuộc cõi sắc, vô sắc đoạn trừ.
3. Biến Tri do đoạn, do kiến diệt thuộc cõi dục đoạn trừ.
4. Biến Tri do đoạn, do kiến diệt thuộc cõi sắc, vô sắc đoạn trừ.
5. Biến Tri do đoạn, do kiến đạo thuộc cõi dục đoạn trừ.
6. Biến Tri do đoạn, do kiến đạo thuộc cõi sắc, vô sắc đoạn trừ.
7. Biến Tri do đoạn trừ kiết thuận hạ phần.
8. Biến Tri do sắc tham đã dứt hết.
9. Biến Tri do vô sắc tham đã dứt hết.

Như nơi địa Tam-ma-hí-đa đã biện giải về Tướng của chúng. Lại có ba môn Giải thoát là Không, Vô nguyện, Vô tướng. Nơi địa Tam-ma-hí-đa đã biện biệt về Tướng.

Ở đây phải nên phân biệt các pháp có bao nhiêu thứ là:

- Đối tượng tư duy của Tác ý.
- Đối tượng nhận biết của Trí.
- Đối tượng nhận thức của Thức.
- Đối tượng Biến Tri của Biến Tri.
- Đối tượng giải thoát của môn giải thoát.

Dùng vô lượng môn Quán như thế nên quán các pháp.

Nghĩa của xứ nương dựa: Lược có ba thứ:

1. Xứ nương dựa của Sự.

2. Xứ nường dựa của Thời.

3. Xứ nường dựa của Hữu tình.

Xứ nường dựa của Sự: Lại có ba loại:

1. Xứ nường dựa của Sự căn bản.

2. Xứ nường dựa của Sự được phương tiện.

3. Xứ nường dựa của Sự thương xót kẻ khác.

Xứ nường dựa của Sự căn bản lại có sáu thứ:

1. Nẻo thiện.

2. Nẻo ác.

3. Thối đọa.

4. Thăng tiến.

5. Sanh tử.

6. Niết bàn.

Xứ nường dựa của Sự được phương tiện lại có mười hai thứ, tức là mười hai thứ Hành:

1. Hành dục.

2. Hành lìa.

3. Hành thiện.

4. Hành bất thiện.

5. Hành khổ.

6. Hành không khổ.

7. Hành thuận phần thối.

8. Hành thuận phần tiến.

9. Hành tạp nhiễm.

10. Hành thanh tịnh.

11. Hành tự nghĩa.

12. Hành tha nghĩa.

Xứ nường dựa của Sự thương xót kẻ khác lại có năm thứ:

1. Khiến lìa dục.

2. Thị hiện.

3. Chỉ dạy, dẫn dắt.

4. Khen ngợi, khuyến gắng.

5. Vui mừng.

Ở đây, nẻo thiện: Là hàng Trời, người.

Nẻo ác: Là các tướng ác.

Thối đọa: Lại có hai thứ:

1. Không trái với kẻ khác.

2. Trái với kẻ khác.

Loại đầu, nghĩa là tự nhiên thọ mạng thối giảm. Như thọ mạng thối giảm, thì sắc lực, tài sản, sự an lạc, danh tiếng, biện tài thối giảm, nên biết cũng thế.

Trái với kẻ khác: Là tộc họ thối giảm. Tự tại tăng thượng thối giảm. Uy thế của tông tộc giảm thiểu. Lời nói không uy nghiêm. Trí huệ xấu kém. Không thể đạt được sắc thanh hương vị xúc rộng lớn. Ở trong mọi sự thọ dụng, tâm không vui thích. Các loại như vậy gọi là thối đọa. Cùng với đây trái nhau, theo chỗ ứng hợp, gọi là thăng tiến.

Sanh tử: Là thối đọa, thăng tiến nơi nẻo ác, nẻo thiện.

Niết bàn: Là hai Giới Niết-bàn Hữu dư y và Vô dư y.

Hành dục: Tức như trong mười thứ thọ dụng đã nói.

Hành lìa: Tức đối với sự thọ dụng kia nhận biết về vô thường v.v... nên chán bỏ mà xuất gia, thọ trì Giới cấm, giữ gìn căn môn v.v...

Hành thiện: Là Hành thí, giới, tu thiện hữu lậu.

Hành bất thiện: Là ba thứ Hành Ác.

Hành khổ: Là các loại Hành lộ hình, không y phục v.v... cho đến nói rộng.

Hành không khổ: Nghĩa là không từ bỏ những an lạc hiện có đạt được đúng như pháp, xa lìa hai biên (Biên hành thọ dụng dục lạc và Biên hành thọ dụng tự khổ) nương dựa Trung đạo, truy cầu như pháp, thọ dụng chính đáng các sự như y phục v.v...

Hành thuận phần thối: Là Hành hiện có, có thể tạo chướng ngại cho các sự việc thăng tiến như thọ mạng v.v...

Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là Hành thuận phần biến. Như nơi kinh Anh Vũ đã nói.

Hành tạp nhiễm: Lược có ba thứ:

1. Tạp nhiễm của Nghiệp.
2. Tạp nhiễm của Phiền não.
3. Tạp nhiễm của Lưu chuyển.

Nên biết ở đây có chín trường hợp căn bản: Nghĩa là Tạp nhiễm của Nghiệp có ba trường hợp: Tham dục, Sân hận, Ngu si.

Tạp nhiễm của Phiền não có bốn: Là bốn thứ điên đảo.

Tạp nhiễm của Lưu chuyển có hai: Vô minh, Hữu Ái.

Vì sao? Vì do ba căn bất thiện sinh khởi vô số tạp nhiễm của nghiệp. Do bốn điên đảo, có thể phát sinh vô số tạp nhiễm của phiền não. Phiền não sanh rồi, do môn vô minh, nên các người xuất gia có thể sinh khởi vô số tạp nhiễm của lưu chuyển. Do môn hữu ái, nên các người tại gia có thể sinh khởi vô số tạp nhiễm của lưu chuyển.

Hành thanh tịnh: Lược có ba học, năm địa.

Năm địa, tức địa Tư lương cho đến địa Cứu cánh, như trước đã nói. Nên biết học cùng có chín trường hợp căn bản: Nghĩa là Giới học tăng thượng và Tâm học tăng thượng, có không tham, không sân, không si, tại địa Tư lương cùng địa Gia hạnh. Huệ học tăng thượng có bốn thứ không điên đảo, minh và giải thoát, tại Kiến địa, Tu địa cùng địa cứu cánh.

Hành tự nghĩa: Tức là Hành tự lợi. Như Thanh Văn, độc giác, tuy hoặc có lúc khởi Hành lợi tha, nhưng nơi bản nguyện không chỉ lợi tha, thế nên chỗ Hành gọi là Hành tự nghĩa.

Hành tha nghĩa: Là Hành lợi tha. Như Phật, Bồ tát, vì nhằm đem lại lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sanh, cho đến nói rộng.

Khiến lìa dục: Là quả trách các Hành của sáu thứ phẩm Hắc, hiện rõ lỗi lầm khiến lìa ái dục.

Thị hiện: Là vì khiến thọ học hành phẩm Bạch, nên thị hiện bốn thứ đạo lý chân thật.

Chỉ dạy, dẫn dắt: Nghĩa là thị hiện rồi, được tin hiểu, đặt yên nơi Học xứ, khiến thọ hành đúng đắn. Do đối với Hành kia đã được tự tại, nên thưa thỉnh: Con hôm nay nên làm việc gì? Kính mong chỉ dạy. Bồ tát nhân đấy, bảo: Các ông hôm nay, nơi sự việc như thế như thế, nên hành tác chân chánh.

Khen ngợi, khuyến gắng:

Tức như hữu tình kia, ở trong chỗ nhận thức, hành động, đạt được, tâm sanh thối chuyển, bấy giờ Bồ tát khen ngợi, khuyến khích, thúc đẩy, khiến Tâm họ thêm uy lực đối với các sự việc kia có thể thực hiện được.

Vui mừng: Nghĩa là hữu tình kia, nơi pháp tùy pháp, hành đúng đắn, dũng mãnh, Bồ tát tức nên như thật khen ngợi khiến họ hoan hỉ.

Lại nữa, khiến lìa dục, thị hiện: Hoặc có trường hợp khiến lìa dục mà không thị hiện. Như chỉ dạy, dẫn dắt kẻ khác khiến lìa dục nhưng bảo họ: “Như Tôi đã nói về chỗ không nên làm. Ông nay nhất định là không nên làm nữa” Hoặc dọa kẻ ấy: “Ông nếu hành tác, thì tôi tất sẽ làm như vậy như vậy!”.

Hoặc có trường hợp thị hiện nhưng không khiến lìa dục. Như người ở giữa, thị hiện công đức cùng với lỗi lầm, nhưng chưa có thể ngăn chặn khiến lìa lỗi lầm.

Hoặc có trường hợp khiến lìa dục, cũng thị hiện. Như chỉ rõ lỗi lầm kia khiến kẻ ấy lìa dục.

Chỉ dạy, dẫn dắt, khen ngợi, khuyến gắng: Nghĩa là đầu tiên chưa thọ học, khiến kẻ kia thọ học. Đã thọ học rồi, chưa thăng tiến lên thì khiến thăng tiến.

Vui mừng: Nếu đáng vui mừng, vì lúc vui mừng có năm thăng lợi:

1. Khiến kẻ kia đối với chỗ chứng đắc của mình, Tâm được quyết định.
2. Khiến kẻ khác đối với công đức của chỗ chứng đắc ấy sanh tâm hưởng chứng.
3. Khiến kẻ phỉ báng tâm được thanh tịnh.
4. Khiến kẻ không thanh tịnh, Tâm trụ ở trong xứ ấy.
5. Khiến kẻ thanh tịnh lại càng tăng trưởng.

Hoặc có hữu tình vui mừng về sự việc thiện của kẻ khác, nên biết là sự tạo tác tăng trưởng có thể chiêu cảm nghiệp sanh Thiên hợp ý. Hoặc mạng chung rồi, theo chỗ sanh kia, luôn được nghe các âm thanh hay đẹp, vừa ý, tất cả cảnh giới thấy đều vừa ý.

Lại nữa, Hành dục, hoặc có thể chiêu cảm nẻo Thiện. Như vì dục nên tạo nghiệp thiện sau. Hoặc có thể chiêu cảm nẻo Ác. Như dùng phi pháp thâm nhận các dục.

Hành liã, hoặc có hủy phạm: Có thể chiêu cảm nẻo Ác. Nếu có thể thành tựu đầy đủ, có thể chiêu cảm nẻo thiện, cùng có thể tạo tư lương cho Niết bàn.

Hành thiện: Có thể chiêu cảm nẻo thiện cùng tạo tư lương cho Niết bàn.

Hành bất thiện: Có thể chiêu cảm nẻo Ác.

Hành khổ: Có thể chiêu cảm nẻo Ác, do dựa nơi tà kiến, tự làm khổ cho thân.

Hành không khổ: Có thể tạo ra Tư lương của Niết-bàn.

Hành thuận phần thoái, hành thuận phần tiến, theo chỗ ứng hợp, hoặc thối đọa, hoặc thăng tiến.

Hành tạp nhiễm: Có thể chiêu cảm sanh tử.

Hành thanh tịnh: Có thể chứng đắc Niết-bàn.

Hành tự nghĩa: Chỉ khiến tự thân đi đến nẻo thiện, đạt được thăng tiến, chứng đắc Niết-bàn.

Hành tha nghĩa: Cùng khiến tự, tha đi đến nẻo thiện, đạt được thăng tiến, chứng đắc Niết-bàn.

Như thế, trong ba sự, sự căn bản có sáu thứ, tức thứ nhất là nẻo thiện, cho đến sau cùng là Niết-bàn. Sự được phương tiện có mười hai

thứ, tức là mười hai Hành. Sự thương xót kẻ khác có năm thứ, nghĩa là do năm thứ thương xót chúng sanh.

Ở đây, do sức tăng thượng của sự căn bản, dựa vào mười hai Hành, theo như chỗ ứng hợp khiến kẻ khác lìa dục, cho đến vui mừng.

Xứ nương dựa của Thời: Tức lược có ba thứ ngôn sự:

1. Ngôn sự của Quá khứ.
2. Ngôn sự của Hiện tại.
3. Ngôn sự của Vị lai.

Như nơi kinh đã nói rộng.

Xứ nương dựa của hữu tình: Nghĩa là hai mươi bảy thứ hữu tình như độn căn v.v..., nên nhận biết về Tướng.

Tức dựa vào các điều đã nêu bày như trên như thế, hoặc Sự, hoặc Thời, hoặc hữu tình, chư Phật Thế Tôn ban bố, lưu hành Thánh giáo, do đó chúng được gọi là xứ nương dựa.

Nghĩa Quá hoạn: Nói tóm tắt, đối với nghĩa nên hủy chán mà khởi hủy chán, hoặc là pháp hoặc là người.

Nghĩa thắng lợi: Nói tóm tắt, đối với nghĩa nên xưng tán mà khởi xưng tán, hoặc là pháp hoặc là người.

Nghĩa của đối tượng được đối trị: Nói tóm gọn, là tất cả Hành tạp nhiễm.

Nghĩa của chủ thể đối trị: Nói tóm gọn, là tất cả Hành thanh tịnh. Như tham là đối tượng được đối trị. Bất tịnh là chủ thể đối trị. Sân là đối tượng được đối trị. Tỳ là chủ thể đối trị. Như thế v.v..., đều nên nhận biết.

Nghĩa tóm lược: Tức tuyên thuyết các pháp tương ứng với đồng loại.

Nghĩa nêu rộng: Tức tuyên thuyết các pháp tương ứng với dị loại.

Lại nữa, thuyết giảng Kinh không liễu nghĩa. Thuyết giảng Kinh liễu nghĩa.

Lại nữa, có hai thứ Nghĩa tóm lược:

1. Tóm lược về Danh.
2. Tóm lược về Nghĩa.

Như Nghĩa tóm lược, Nghĩa nêu rộng cũng có hai thứ:

1. Nêu rộng về Danh.
2. Nêu rộng về Nghĩa.

Như đức Thế Tôn nói với Tôn giả Xá-lợi-tử:

Pháp Như lai đã nêu giảng, hoặc tóm lược hoặc nêu rộng, nhưng người tỏ ngộ là rất khó có thể đạt được. Nói rộng như nơi kinh. Nên

biết ở đây, hiển bày đức Thế Tôn, ở trong kệ kinh thì Văn rộng Nghĩa lược. Còn ở trong Kệ Tụng thì Nghĩa rộng Văn lược. Để gồm thâu mười Nghĩa, nên Kệ nêu:

Các Địa, Tướng, Tác ý.

Xứ dựa, đức, không đức.

Đối tượng, chủ thể trị.

Nghĩa rộng, lược nên biết,

Lại nữa, như thế là đã lược nói về Thế tánh của Phật giáo nơi mười thứ nghĩa rồi, các vị thuyết pháp nên dựa nơi Thánh giáo, tìm cầu mười thứ, hoặc đủ hoặc không đủ. Đã tự tìm cầu xong, nên vì kẻ khác thuyết giảng.

Như vậy là đã kiến lập văn nghĩa của các kinh là Thế xong, các vị thuyết giảng pháp nên dùng năm Tướng, tùy thuận giải thích tất cả kinh Phật. Nghĩa là đầu tiên nên lược nói Pháp cốt yếu. Tiếp theo nên tuyên thuyết về Đẳng khởi. Thứ đến nên nêu rõ về Nghĩa. Sau đấy nên Giải thích phần khó. Sau cùng là biện biệt về thứ lớp.

Pháp: Lược có mười hai thứ, nghĩa là mười hai Phần giáo như kệ kinh v.v...

Khế kinh: Tức nghĩa Quán xuyên, xuyên suốt. Là phần văn xuôi thuyết giảng trực tiếp, đa phần thâu nhận thể tánh của những ý nghĩa sâu xa.

Ứng tụng: Là sau phần văn xuôi, tuyên thuyết về kệ. Lại lược nêu lên chỗ thuyết giảng không liễu nghĩa nơi kinh.

Ký biệt: Là phân biệt rộng, tóm lược nghĩa đã nêu. Lại ghi nhận xứ sanh của đệ tử đã qua đời.

Phúng tụng: Là dùng câu để thuyết giảng. Hoặc dùng hai câu, ba, bốn, năm, sáu câu để thuyết giảng.

Tự thuyết: Là không thưa hỏi mà thuyết giảng. Vì khiến cho đệ tử được thắng giải. Vì khiến cho các hữu tình được giao hóa thuộc phẩm thượng an trụ nơi lý thù thắng, nên tự nhiên mà nói. Như kinh nói: Đức Thế Tôn hôm nay tự nhiên tuyên thuyết vv.

Duyên khởi: Nghĩa là có thưa thỉnh nên thuyết giảng.

Như kinh nói: Một thời, đức Thế Tôn dựa nơi Hắc-lộc-tử, vì các Bí-sô nêu giảng pháp yếu. Lại dựa vào nhân của Biệt giải thoát dấy khởi đạo, Tỳ-nại-da gồm thâu các ngôn thuyết hiện có. Lại, ở nơi xứ ấy, thuyết giảng ngôn ngữ như thế, đức Thế Tôn dựa nơi các nhân duyên như vậy như vậy, dựa vào các sự việc như vậy như vậy, để thuyết giảng theo ngôn ngữ như vậy như vậy.

Thí dụ: Là Kinh có thí dụ. Do thí dụ nên nghĩa ẩn tàng được sáng rõ.

Bản sự: Nghĩa là trừ Bản sanh, tuyên thuyết các sự việc hiện có của thời trước.

Bản sanh: Nghĩa là tuyên thuyết về tự thân nơi đời quá khứ, thời gian hành hạnh Bồ tát, là sự Bản sanh của mình.

Phương Quảng: Là thuyết giảng về đạo Bồ tát. Như nói về bốn hạnh Bồ tát của bảy địa, cùng nói về một trăm bốn mươi thứ pháp Phật bất cộng của chư Phật. Nghĩa là bốn thứ Nhất Thiết chủng thanh tịnh, cho đến Nhất Thiết chủng diệu Trí, như nơi địa Bồ tát đã nói rộng.

Lại nữa, pháp này là rộng, nhiều, rất cao lớn, thời gian dài, xa, hết sức dũng mãnh, trải qua ba A-tăng-xí-da đại kiếp mới được thành mãn, nên gọi là Phương Quảng.

Pháp vị Tăng Hữu: Nghĩa là chư Như lai, hoặc các Thanh văn, hoặc các vị tại gia, thuyết giảng pháp hy hữu, kỳ diệu. Như trong các kinh, nhân nơi sự việc hy hữu, nên khởi việc thuyết giảng.

Luận Nghị: Nghĩa là các kinh điển tuần tự nghiên cứu sâu về Ma-đát-ly-ca (Luận). Vả lại, như tất cả kinh Liễu nghĩa đều gọi là Ma-đát-ly-ca. Tức là ở nơi xứ ấy, đức Thế Tôn tự phân biệt rộng về Thế tướng của các pháp. Lại, ở nơi xứ ấy, các Thánh đệ tử đã kiến đế tích, dựa vào chỗ chứng đắc của mình, phân biệt thuận hợp về Thế tướng của các pháp. Đây cũng gọi là Ma-đát-ly-ca. tức Ma-đát-ly-ca này cũng gọi là A-Tỳ-đạt-ma.

Cũng như nơi thế gian, tất cả sách vở, toán số, thi luận v.v... đều có Ma-đát-ly-ca. Nên biết trong kinh, tuần tự nghiên cứu sâu về Thế tướng của các pháp, cũng lại như vậy.

Lại như các chữ, nếu không có Ma-đát-ly-ca tức không sáng rõ. Như vậy, mười hai phần Thánh giáo như khế kinh v.v... nếu không kiến lập Thế tướng của các pháp, tức không sáng rõ, nếu kiến lập rồi, tức được sáng rõ.

Lại, tuyên thuyết về Pháp tướng không tạp loạn, thế nên Ma-đát-ly-ca này cũng gọi là A-Tỳ-đạt-ma.

Lại, dựa vào Ma-đát-ly-ca này, các việc giải thích nghĩa của các Kinh còn lại cũng gọi là Luận nghị.

Đẳng khởi: Nghĩa là do ba thứ xứ nương dựa: Hoặc Sự, hoặc Thời, hoặc hữu tình, theo chỗ ứng hợp, nên thuyết giảng. Tức là hữu tình như thế, có Hành như thế, vì khiến họ lìa dục cho đến vui mừng, nên đã thuyết đẳng khởi.

Tiếp theo nên nói về nghĩa. Nghĩa, lược có hai thứ:

1. Nghĩa chung.
2. Nghĩa riêng.

Do bốn thứ Tướng, nên nói về nghĩa chung:

1. Dẫn kinh Liễu nghĩa.
2. Phân biệt sự rốt ráo.
3. Hành.
4. Quả.

Hành lại có hai thứ:

1. Hành tà.
2. Hành chánh.

Quả cũng có hai loại:

1. Quả của Hành chánh.
2. Quả của Hành tà.

Do bốn thứ Tướng nên nói về nghĩa riêng:

1. Phân biệt về Danh sai biệt.
2. Phân biệt về Tướng của Tự thể.
3. Giải thích rõ về ngôn từ.
4. Nêu môn Nghĩa sai biệt.

Giải thích rõ về ngôn từ, lại do năm thứ phương tiện:

1. Do Tướng.
2. Do Tự tánh.
3. Do Nghiệp.
4. Do Pháp.
5. Do Nhân quả.

Nêu môn Nghĩa sai biệt, nên biết lại do năm Tướng:

1. Tự tánh sai biệt.
2. Cõi sai biệt.
3. Thời sai biệt.
4. Phần vị sai biệt.
5. Hữu tình sai biệt.

Ở đây, Tự tánh sai biệt, nghĩa là:

- Tự tánh của Sắc có mười Sắc xứ sai biệt.
- Tự tánh của Thọ có ba Thọ sai biệt.
- Tự tánh của Tưởng có sáu Tưởng sai biệt.
- Tự tánh của Hành có ba Hành sai biệt.
- Tự tánh của Thức có sáu Thức sai biệt.

Các loại như thế, nên biết là Tự tánh sai biệt của các pháp.

Cõi sai biệt: Là cõi dục có sai biệt, cõi sắc có sai biệt, cõi vô sắc có sai biệt.

Thời sai biệt: Là thời quá khứ, thời hiện tại, thời vị lai có sai biệt.

Phần vị sai biệt: Nên biết có hai mươi lăm thứ phần vị sai biệt:

Ba phần vị hạ, trung, thượng sai biệt.

Ba phần vị khổ, vui, không khổ không vui sai biệt.

Ba phần vị thiện, bất thiện, Vô ký sai biệt.

Ba phần vị Văn, Tư, Tu sai biệt.

Ba phần vị Giới, Tâm, Huệ tăng thượng sai biệt.

Hai phần vị Trong, Ngoài sai biệt.

Hai phần vị đối tượng giữ lấy, chủ thể giữ lấy sai biệt.

Hai phần vị đối tượng đối trị, chủ thể đối trị sai biệt.

Hai phần vị Hiện tiền, Không hiện tiền sai biệt.

Hai phần vị Nhân Quả sai biệt.

Hữu tình sai biệt: Như trước đã nói về hai mươi bảy loại hữu tình, nên biết là sai biệt.

Thích nạn: Hoặc tự nêu vấn nạn, hoặc kẻ khác nêu vấn nạn đều nên giải thích. Nên biết các vấn nạn này lược do năm Tướng:

1. Vì chưa rõ nghĩa cần được hiển bày. Như nói: Văn này có nghĩa gì?

2. Lời trái nhau. Như nói: Vì sao đức Thế Tôn, trước nêu giảng khác, nay nêu giảng khác?

3. Đạo lý trái nhau: Như có khi hiển thị nghĩa trái nhau so với bốn đạo lý.

4. Hiển bày không quyết định. Như nói: Do đâu đức Thế Tôn đối với một loại nghĩa, nơi vô số môn khác của các xứ kia, đã hiển bày sai biệt?

5. Cứu cánh không hiện thấy. Như nói: Nội Ngã có thể tánh gì, có sắc tướng gì, mà nói là thường hằng, không có biến đổi, chánh trụ như thế?

Các loại tướng vấn nạn như vậy, nên biết.

Đối với năm loại vấn nạn ấy, tùy theo thứ lớp phải nên giải thích.

Nghĩa là, nơi vấn nạn không rõ nghĩa, nên tạo phương tiện hiển bày. Đối với vấn nạn do lời nói trái nhau thì hiển thị ý nghĩa sâu xa, tùy thuận thông tỏ.

Như đối với vấn nạn do lời nói trái nhau, đã hiển thị ý nghĩa sâu

xa, tùy thuận thông tỏ, thì đối với các vấn nạn do hiển bày không quyết định, do cứu cánh không hiện thấy, nên biết cũng như thế.

Đối với vấn nạn do đạo lý trái nhau, hoặc dùng dị giáo để phê phán, hoặc lại thị hiện bốn thứ đạo lý, hoặc lại thị hiện nhân quả tương ứng. Đó là lời nầy hoặc là quả tăng, hoặc là nhân tăng. Lại, đối với việc Giải thích vấn nạn nên thiết lập bốn thứ ghi nhận:

1. Ghi nhận hoàn toàn. Nghĩa là người đến thưa hỏi vì như lý thì kiến lập không diên đảo về tướng tánh của các pháp.

2. Ghi nhận phân biệt: Nghĩa là người đến thưa hỏi vì như lý hoặc không như lý, thì khai thị tướng tánh của các pháp có sai biệt.

3. Ghi nhận bằng cách hỏi lại: Nghĩa là vì khiến cho kẻ thưa hỏi theo Hý luận kia tự nhận lấy lỗi lầm của mình.

4. Ghi nhận bằng cách để qua một bên. Do bốn nhân duyên nên ghi nhận bằng cách im lặng để qua một bên. Nghĩa là không có Thể tánh, hết sức sâu xa v.v... như nơi địa do tư tạo thành ở trước đã nói rõ về tướng.

Lại như có người hỏi, Như lai sau khi diệt độ là có, không v.v... Ở đây, đối với lý sâu xa hiện có của thế tục cùng thắng nghĩa đế, đều không nên ghi nhận. Do đó gọi sự việc kia là ghi nhận bằng cách để qua một bên.

Trong ấy, đức Như lai căn cứ nơi Thắng nghĩa đế, tánh không phải là có nên không thể ký biệt. Căn cứ nơi Thế tục đế, đạo của chủ thể nương dựa, đối tượng được nương dựa là trái nhau, nên Quả kia vĩnh viễn đoạn, không thành thật nên cũng không thể ghi nhận Như lai sau khi diệt độ là có không v.v...

Thứ lớp: Lược có ba thứ:

1. Thứ lớp viên mãn.
2. Thứ lớp giải thích.
3. Thứ lớp có thể thành.

Vì muốn hiển thị ba thứ lớp nầy, nên lược dẫn Thánh giáo. Như đức Thế Tôn nói: “Ta ngày trước xuất gia hết sức là “Thạnh mỹ”, thanh mỹ bậc nhất, thanh mỹ tối cực.” Lời nầy là hiển thị về thứ lớp viên mãn của “Thạnh mỹ”.

Lại nói: “Ta từng ở nơi cung của vua cha là Tịnh Phạn, dung mạo đoan nghiêm, cho đến nói rộng. Lời nầy là hiển thị về thứ lớp giải thích của “Thạnh mỹ”.

Lại nói: “Vì nghĩa gì nên xuất gia thanh mỹ”? Do thấy rõ các pháp như già, bệnh, chết v.v... Lời nầy là hiển thị về thứ lớp có thể thành.

Lại như trong Kinh lược nói về các pháp. Như nói: Ba Thọ là Lạc thọ, Khổ thọ, Bất khổ Bất lạc thọ. Các loại như thế chỉ hiển thị thứ lớp viên mãn. Do câu còn lại khiến thọ ấy viên mãn, nên gọi là viên mãn.

Như Thọ, bốn đế cũng vậy. Nghĩa là trước nói một câu, càng về sau thuận theo thứ lớp tuyên thuyết.

Thứ lớp có thể thành lại có hai thứ: Hoặc dùng câu trước thành lập câu sau. Hoặc dùng câu sau thành lập câu trước. Thứ lớp giải thích nên biết cũng thế,

Sư: Nghĩa là thành tựu mười pháp, gọi là Sư thuyết pháp, các tướng viên mãn. Mười pháp là:

1. Khéo đối với Pháp, Nghĩa. Tức đối với sáu thứ Pháp, mười thứ Nghĩa đều khéo có thể hiểu rõ.

2. Có thể tuyên thuyết rộng. Nghĩa là hiểu biết nhiều, nghe giữ, tích tập điều đã hiểu biết.

3. Đầy đủ vô úy: Nghĩa là ở trong đại chúng thù thắng như sát đế lợi v.v... tuyên thuyết chánh pháp, không chút khiếp sợ.

4. Ngôn từ thiện xảo: Là Ngữ công viên mãn, tám chi thành tựu, ngôn từ đầy đủ, ở nơi chúng thuyết pháp.

Ngữ công viên mãn: Tức là Văn, Cú tương ứng, hỗ trợ, cho đến nói rộng.

Tám chi thành tựu: Nghĩa là ngôn ngữ này đứng đầu là hay đẹp v.v... cho đến nói rộng.

5. Khéo tạo phương tiện thuyết giảng: Nghĩa là hai mươi thứ phương tiện thiện xảo để tuyên thuyết chánh pháp. Như do lúc ân trọng v.v...

6. Thành tựu đầy đủ pháp tùy pháp hành: Nghĩa là không chỉ lắng nghe, cho là cứu cánh, mà như chỗ thuyết giảng, theo đấy hành trì.

7. Đầy đủ oai nghi: Nghĩa là khi thuyết pháp, tay chân không loạn, đầu không dao động, mặt không biến đổi, mũi không đổi khác. Lui tới qua lại, oai nghi thuận hợp.

8. Tinh tấn dũng mãnh: Là luôn vui thích lắng nghe pháp chưa được nghe. Đối với pháp đã nghe càng khiến thêm sáng tịnh. Không bỏ Du già, không bỏ Tác ý, Tâm không lìa bỏ Xa-ma-tha bên trong.

9. Không có chán mệt: Tức vì bốn chúng nêu rộng pháp diệu, thân tâm không mệt mỏi.

10. Đầy đủ đức Nhẫn: Nghĩa là đối với những lời mắng, đùa, chê, trách, trọn không đáp trả. Nếu bị khinh thường, không sanh buồn giận, cho đến nói rộng.

Thuyết chúng: Nghĩa là ở nơi năm chúng nêu bày tám thứ ngôn ngữ: Tám thứ ngôn ngữ:

1. Ngôn ngữ có thể tạo vui thích.
2. Ngôn ngữ khéo mở bày, phát khởi.
3. Ngôn ngữ khéo giải thích vấn nạn.
4. Ngôn ngữ khéo phân tích.
5. Ngôn ngữ khéo thuận nhập.
6. Ngôn ngữ nêu dẫn chứng khác.
7. Ngôn ngữ biện tài thù thắng.
8. Ngôn ngữ thuận theo tông chỉ.

Năm chúng là:

1. Chúng tại gia.
2. Chúng xuất gia.
3. Chúng tịnh tín.
4. Chúng tà ác.
5. Chúng ở giữa.

Ngôn ngữ có thể tạo vui thích: Nên biết có năm Tướng:

1. Làm rõ nhân.
2. Có thí dụ.
3. Vật dụng để nói đầy đủ.
4. Văn, Cú đẹp đẽ.
5. Ngôn từ hiển bày.

Ngôn ngữ khéo mở bày, phát khởi: Là mở bày nghĩa sâu ẩn khiến hiển lược. Biện giải nghĩa hiển lược khiến chúng càng sâu ẩn.

Ngôn ngữ khéo giải thích vấn nạn: Nói tóm tắt, nên biết lìa năm thứ vấn nạn là khéo thành tựu.

Ngôn ngữ khéo phân tích: Đối với mỗi mỗi pháp, dựa nơi đạo lý tăng một, cho đến tách ra làm mười thứ, hoặc lại vượt hơn. Như dựa vào ba pháp thuyết, hoặc dựa vào bốn Niệm trụ, cho đến nói rộng.

Ngôn ngữ khéo thuận nhập: Chỉ khéo hiển hiện, giải thích các pháp như kế kinh, Ứng tụng v.v... hoàn toàn không dẫn các thứ Tà Luận của ngoại đạo khác.

Ngôn ngữ nêu dẫn chứng khác: Là nêu dẫn các kinh khác để thành lập chỗ thuyết giảng.

Ngôn ngữ biện tài thù thắng: Là tùy chỗ nhận lấy, khéo phân biệt về nghĩa.

Ngôn ngữ thuận theo tông chỉ: Là dựa nơi Ma-đát-lý-ca để phân biệt, hiển bày. Hoặc dựa nơi các ngôn giáo đã được thuyết giảng thuận

hợp còn lại đây đó, giải thích như lý.

Lại nữa, ở nơi chúng tại gia nên dựa vào sự trừ bỏ các hành ác, tán thán các hành thiện, hiện nói chánh pháp khiến họ dừng dứt cùng tiến tu. Ở nơi chúng xuất gia, nên dựa vào ba học như Giới tăng thượng, hiện nói chánh pháp, khiến mau chóng vui thích.

Đối với chúng tịnh tín v.v... nên dựa vào uy đức rộng lớn của Thánh giáo, hiện nói chánh pháp, theo như thứ lớp khiến họ càng tăng thượng, khiến chúng ở giữa sanh khởi tịnh tín.

